TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 23-5-2018
V/v Tranh chấp về tài sản chung sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Thanh Chín.

Các Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Thanh Thúy;

Bà Lê Thị Thanh Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dụng Thị Mỹ Ái - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 43/2017/TLPT-HNGĐ ngày 05/12/2017, về việc *"Tranh chấp về tài sản chung sau khi ly hôn"*.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 89/2017/HNGĐ-ST ngày 10/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố PT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận; giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Vũ Mai V - sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu phố LS, phường MN, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Vũ Mai V:

Bà Trần Thị Ngọc N- sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 528/18/10, đường Phạm Văn Chiêu, Phường 14, quận GV, thành phố HCM- Là đại diện theo ủy quyền. Giấy ủy quyền ngày 12/6/2017.

-*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T- sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 86, đường Đặng Văn Ngữ, Khu phố 11, phường Phú Trinh, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn T:

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1959- Là đại diện theo ủy quyền. Giấy ủy quyền ngày 07/8/2017.

Địa chỉ: Khu phố 7, phường MN, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty trách nhiệm hữu hạn TD.

Người đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn TD:

Ông Đặng Ngọc A, Chức vụ: Giám đốc- Là đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ trụ sở: Khu phố LS, phường MN, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

-Người làm chứng:

1/ Bà Phạm Thị NH, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Khu phố LS, phường MN, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

2/ Ông Phạm Hữu T1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 333, đường Huỳnh Thúc Kháng, Khu phố 5, phường MN, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn T.

Có mặt bà Huỳnh Vũ Mai V, bà Trần Thị Ngọc N, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn C, ông Đặng Ngọc A.

Vắng mặt người làm chứng: Bà Phạm Thị NH, ông Phạm Hữu T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm và tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Huỳnh Vũ Mai V trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn ngày 26/9/1994, đến ngày 25/9/2015 hai người ly hôn theo bản án phúc thẩm số 26/2015/HNGĐ-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Tại đơn khởi kiện bà V yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là 10.845,6m^2 đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất gồm:

1/ Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11 tại khu phố LS, phường MN, diện tích 4.274,5m^2 hiện nay đang cho Công ty trách nhiệm hữu hạn TD thuê.

2/ Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 1, tại khu phố LS, phường MN, diện tích 5.571,1m^2, hai người tự đầu tư xây dựng 8 phòng trọ, 01 quán ăn, đang cho bà Nguyễn Thị Diễm An thuê để kinh doanh phòng trọ, đặt tên là Thùy Duyên.

3/ Thửa đất khoảng 900m^2 có 10 phòng trọ và 01 bếp ăn đặt tên là Dương Biển.

Sau đó bà V có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện:

- Không tranh chấp 900m^2 đất và tài sản có trên đất khu vực Dương Biển.

- Không tranh chấp 5.571,1m^2 đất khu vực Thùy Duyên.

Bà V yêu cầu chia hai tài sản chung là toàn bộ diện tích đất hiện nay đang cho Công ty trách nhiệm hữu hạn TD thuê và tài sản có trên đất là 8 phòng trọ và 01 quán ăn ở khu vực Thùy Duyên.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T do ông Nguyễn Văn C đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông T và bà V trước đây là vợ chồng, đến năm 2015 hai người đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận giải quyết ly hôn theo thủ tục phúc thẩm.

Về đất bà V tranh chấp có nguồn gốc từ cha ông Nguyễn Văn T là Phạm Hữu Từ, vì ngày 28/02/1994 ông Từ nhận chuyển nhượng từ hai mẹ con bà Lưu Thị Quán và Lê Thị Luận ở khu phố LS, phường MN. Chiều ngang trên 40 mét, chiều dài 200 mét, hai bên làm hợp đồng chuyển nhượng, có tổ dân phố xác nhận. Ông Từ đã trực tiếp cho chị em ông T là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị A. Hiện nay bà A đã đi nước ngoài, nên đây là tài sản riêng của chị em bà A, ông T. Bà V không liên quan gì đến đất của chị em ông T.

Đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11, diện tích 5.038,8m^2 là đất cha mẹ cho hai chị em ông T, nhưng ông T đứng tên đăng ký quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân thành phố PT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/11/2005, sau đó chuyển nhượng 756,3m^2 cho ông Trần Quốc Bình, còn lại 4.274,5m^2 và được Ủy ban nhân dân thành phố PT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/8/2006 do ông T đứng tên. Do đó, thửa đất này bà V không liên quan vì không phải là tài sản chung của vợ chồng nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà V.

Riêng tài sản có trên đất khu vực Thùy Duyên là 8 phòng trọ và 01 quầy giải khát thì ông T đồng ý là tài sản chung và yêu cầu chia hai tài sản, ông T nhận tài sản và hoàn lại tiền theo thỏa thuận với bà V.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T thống nhất với phần trình bày của ông Nguyễn Văn C.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan do bà Nguyễn Thị Diễm An trình bày tại Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28/9/2017:

"Tôi là người thuê đất của vợ chồng ông T và bà V để kinh doanh Resort. Nếu ông bà có tranh chấp chia tài sản này thì tôi vẫn tiếp tục thuê cho đến khi hết hợp đồng. Khi hết hợp đồng tùy vào tình hình lúc đó tôi và chủ đất mới sẽ thỏa thuận về việc thuê nữa hay không".

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đặng Ngọc A trình bày: Công ty trách nhiệm hữu hạn TD thuê đất của ông T đến khi hết hạn thuê đất sẽ trả lại đất cho ông T theo hợp đồng. Ông không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết gì về tài sản của Công ty trách nhiệm hữu hạn TD có trên đất tranh chấp trong vụ án này.

Sau khi hòa giải không thành.

Ngày 10/10/2017 Tòa án nhân dân thành phố PT đưa vụ án ra xét xử tại Bản án số 89/2017/HNGĐ-ST, Quyết định:

1/ Căn cứ Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 33, Điều 34, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

- Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Vũ Mai V về tranh chấp đất và tài sản có trên đất ở khu vực Dương Biển và tranh chấp đất ở khu vực Thùy Duyên tọa lạc tại khu phố LS, phường MN, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Vũ Mai V về tranh chấp đất ở khu vực TD và tài sản có trên đất ở khu vực Thùy Duyên tọa lạc tại khu phố LS, phường MN, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

- Xác định thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11, diện tích 4.274,5m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố PT cấp số AG 100375 ngày 17/8/2006, nhưng diện tích thực tế là 4.904,8m^2 theo bản đồ kiểm tra, rà soát thực trạng đất ngày 21/10/2016, tỷ lệ 1/1.000 do Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Thuận đo đạc tọa lạc tại khu phố LS, phường MN, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận có giá trị 13.262.597.200đồng và giá trị tài sản 630.770.650đồng gồm nhà nghỉ cùng một số công trình và các trang thiết bị ở khu vực Thùy Duyên, tổng cộng: 13.893.367.850đồng là tài sản chung của ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Vũ Mai V. Như vậy mỗi người được nhận 6.946.683.925đồng.

- Chia hai thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11 có diện tích thực tế 4.904,8m^2 cho ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Vũ Mai V, mỗi người nhận 2.452,4m^2. Theo vị trí tứ cận được xác định tại bản đồ tỷ lệ 1/1000 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận, Ủy ban nhân dân thành phố PT, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố PT, Ủy ban nhân dân phường MN đo đạc ngày 21/10/2016 (kèm theo bản đồ tỷ lệ 1/1.000).

- Chia hai giá trị tài sản 630.770.650đồng gồm một số công trình và các trang thiết bị tại khu vực Thùy Duyên. Ông T giữ lại tài sản và có trách nhiệm hoàn trả cho bà V 315.385.000đồng (tính tròn số).

- Tiếp tục cho Công ty trách nhiệm hữu hạn TD thuê thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11 đến khi hợp đồng kết thúc.

- Ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Vũ Mai V được hưởng huê lợi từ việc cho Công ty trách nhiệm hữu hạn TD thuê thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11, bắt đầu từ tháng 9/2016 đến khi kết thúc hợp đồng, hàng tháng mỗi người là 5.000.000đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền; thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/10/2017 bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo và ngày 02/12/2017 có đơn kháng cáo và bổ sung chứng cứ, không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác minh và xem xét lại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố PT, không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 4.904,8m^2 vì đây là tài sản của gia đình cho chị em của ông là bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn T, không phải là tài sản của vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Huỳnh Vũ Mai V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

- Chia hai thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11 có diện tích đo đạc hiện trạng 4.405,8m^2 cho ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Vũ Mai V theo bản đồ vị trí khu đất kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Chia hai giá trị tài sản 630.770.650đồng gồm một số công trình và các trang thiết bị tại khu vực Thùy Duyên. Ông T nhận tài sản và có trách nhiệm hoàn trả tiền cho bà V.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn là bà Huỳnh Vũ Mai V là quyền sử dụng đất diện tích theo bản án sơ thẩm là 4.904,8m^2 (đo đạc hiện trạng 4.405,8m^2 theo Bản đồ vị trí khu đất kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/01/2018).

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi bà Huỳnh Vũ Mai V và ông Nguyễn Văn T ly hôn vào năm 2015, ngày 15/12/2016 bà V làm đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11 tại khu phố LS, phường MN, diện tích 5.030,8m^2 được cấp giấy chứng nhận vào ngày 28/11/2005, sau đó vợ chồng ông T chuyển nhượng cho vợ chồng ông Trần Quốc Bình, bà Lê Thị Hoa diện tích 756,3m^2, còn lại 4.274,5m^2 hiện nay đang cho Công ty trách nhiệm hữu hạn TD thuê và tài sản có trên đất là 8 phòng trọ và 01 quán ăn ở khu vực Thùy Duyên.

Xét thấy: Từ khi thụ lý vụ án ông Nguyễn Văn T không thừa nhận diện tích 4.274,5m^2 mà bà V khởi kiện yêu cầu là tài sản chung của vợ chồng, ông cho rằng toàn bộ diện tích đất trên là do cha ông Phạm Hữu Từ chuyển nhượng lại của mẹ con bà Lưu Thị Quán và Lê Thị Luận (Lê Thị Minh Thuận) vào ngày 28/02/1994, chuyển nhượng miếng đất có chiều dài 200m, ngang 20m (theo giấy hồi công đất và hoa màu BL số 41 kèm theo), sau khi nhận chuyển nhượng cha ông đã cho chị, em ông là bà Nguyễn Thị A và ông là Nguyễn Văn T sử dụng nhưng do bà Nguyễn Thị A không ở Việt Nam nên để ông đi đăng ký kê khai đứng tên trên toàn bộ diện tích đất trên.

Tại Công văn trả lời số 5212 của Ủy ban nhân dân thành phố PT ngày 28/7/2017 trả lời: Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11, hiện khu du lịch TD đang sử dụng. Theo hồ sơ, năm 1994 ông Phạm Hữu Từ có nhận hồi công đất của bà Lưu Thị Quán và con là Lê Thị Minh Thuận. Sau khi ông Từ chết, ông Nguyễn Văn T đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ... Hơn nữa, chính bà V cũng thừa nhận diện tích đất 4.274,5m^2 hiện bà đang tranh chấp có nguồn gốc do ông Phạm Hữu Từ (cha ông T) nhận chuyển nhượng, sau đó cho vợ chồng bà canh tác, quản lý nhưng bà không cung cấp chứng cứ gì chứng minh ông Phạm Hữu Từ đã cho vợ chồng bà diện tích đất trên.

Theo quy định tại mục II Nghị Quyết 02/2014/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình…

1. Xác định quyền sử dụng đất là di sản thừa kế.

…

1.3. Trường hợp người chết để lại quyền sử dụng đất mà đất đó không có một trong các loại giấy tờ được hướng dẫn tại tiểu mục 1.1 và tiểu mục 1.2 mục 1 này nhưng có di sản là nhà ở, vật kiến trúc khác (như: nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh, giếng nước, nhà để ô tô, nhà thờ, tường xây làm hàng rào gắn với nhà ở, các công trình xây dựng trên đất được giao để sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh như nhà xưởng, kho tàng, hệ thống tưới, tiêu nước, chuồng trại chăn nuôi hay vật kiến trúc khác hoặc trên đất có các tài sản khác như cây lấy gỗ, cây lấy lá, cây ăn quả, cây công nghiệp hay các cây lâu năm khác) gắn liền với quyền sử dụng đất đó mà có yêu cầu chia di sản thừa kế, thì cần phân biệt các trường hợp sau:

a) Trong trường hợp đương sự có văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xác nhận việc sử dụng đất đó là hợp pháp, nhưng chưa kịp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì Toà án giải quyết yêu cầu chia di sản là tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất và quyền sử dụng đất đó.

Theo quy định trên, thời điểm ông Từ chết thì toàn bộ diện tích đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng theo lời khai của ông T, bà V đều cho rằng thời điểm đó trên đất có một số cây ăn quả như 100 cây dừa, 20 cây điều…và tại giấy hồi công đất và hoa màu ngày 28/02/1994 giữa bà Lưu Thị Quán và ông Phạm Hữu Từ, nội dung cũng thể hiện trên đất lúc đó có trồng dừa, do chuyển hộ đi nơi khác nên không ai coi ngó hoa màu nên bà Quán hồi công cho ông Phạm Hữu Từ và hiện nay đã được cấp giấy.

Mặc dù, toàn bộ diện tích đất trên lúc ông Từ chết không có các loại giấy tờ được hướng dẫn nhưng trên đất có cây ăn quả và tại văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân phường MN cũng xác định nguồn gốc diện tích đất 4.274,5m^2 là của vợ chồng ông Lê Gióng, bà Lưu Thị Quán khai hoang sử dụng canh tác nông nghiệp ổn định. Năm 1994 bà Lưu Thị Quán sang nhượng lại đất hoa màu cho ông Phạm Hữu Từ tiếp tục canh tác, sản xuất nông nghiệp ổn định trên đất

và hiện nay diện tích đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó đủ cơ sở khẳng định toàn bộ diện tích đất trên là di sản thừa kế.

Căn cứ vào các chứng cứ trên, đủ cơ sở khẳng định toàn bộ diện tích đất 4.274,5m^2 hiện khu du lịch TD đang sử dụng nguồn gốc là của ông Phạm Hữu Từ, hiện nay vợ chồng ông Từ, bà Bông, bà Hợi đã chết nên toàn bộ diện tích đất trên là di sản thừa kế của các con ông Phạm Hữu Từ gồm các con của ông Phạm Hữu Từ với bà Trần Thị Bông (có 11 người con, chết 3, còn 8 người con), con của ông Từ với bà Nguyễn Thị Hợi có 2 người con là Nguyễn Thị A và Nguyễn Văn T nhưng ngày 02/7/2009 bà Trần Thị Bông và 2 người con của bà Bông là Phạm Hữu T1, Nguyễn Thị Liên có làm giấy thống nhất cho bà Nguyễn Thị A và Nguyễn Văn T toàn bộ diện tích đất tại khu phố LS, phường MN, thành phố PT (tức toàn bộ diện tích đất mà ông Phạm Hữu Từ đã nhận chuyển nhượng của mẹ con bà Lưu Thị Quán), mặc dù giấy trên không đủ các anh, chị em ký xác nhận nhưng hiện nay các con ruột của bà Bông (tức anh, chị em cùng cha khác mẹ với bà A, ông T) không tranh chấp diện tích đất trên nên coi như diện tích đất trên thuộc quyền thừa kế của bà A, ông T theo như giấy thỏa thuận cho đất ngày 02/9/2009 đã lập.

Vì diện tích đất trên là di sản thừa kế của ông Từ, ông T chỉ có một phần quyền sử dụng đất nhưng án sơ thẩm xác định toàn bộ diện tích đất 4.274,5m^2 (đo đạc thực tế 4.904,8m^2) tài sản chung vợ chồng là không phù hợp gây thiệt hại đến quyền và lợi ích chính đáng của bà Nguyễn Thị A.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 89/2017/HNGĐ-ST ngày 10/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố PT theo hướng đã phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu nội dung đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến và đề nghị: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 89/2017/HNGĐ-ST ngày 10/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố PT.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Huỳnh Vũ Mai V có đơn khởi kiện yêu cầu tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Huỳnh Vũ Mai V và ông Nguyễn Văn T có địa chỉ tại thành phố PT, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố PT, tỉnh Bình Thuận theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị A do bà Hồ Thị Ngọc Xuân (là con ruột của bà Nguyễn Thị A) đại diện theo ủy quyền bằng miệng làm đơn kháng cáo đề ngày 02/12/2017 và đơn kháng cáo và bổ sung chứng cứ đề ngày

04/12/2017 (sau đó bổ sung Hợp đồng ủy quyền ngày 05/02/2018). Bà Hồ Thị Ngọc Xuân nộp tài liệu, chứng cứ kèm theo và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác minh, xem xét lại những người trong gia đình về quyền sử dụng đất tranh chấp là tài sản của ông Phạm Hữu Từ cho bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn T.

Tòa án nhân dân thành phố PT không đưa bà Nguyễn Thị A vào tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vì bà Nguyễn Thị A không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyền sử dụng đất tranh chấp diện tích đất 4.274,5m^2 (đo đạc hiện trạng 4.904,8m^2). Xét thấy không đưa bà Nguyễn Thị A vào tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt người làm chứng cho ông Nguyễn Văn T là bà Phạm Thị NH và ông Phạm Hữu T1. Ông Nguyễn Văn T đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, tại phiên tòa ngày 27/02/2018 đã hỏi 02 người làm chứng này, họ đã có lời khai tại Tòa án, chủ tọa phiên tòa công bố lời khai, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa.

[2] Về quan hệ pháp luật và nội dung tranh chấp:

Bà Huỳnh Vũ Mai V và ông Nguyễn Văn T kết hôn vào ngày 26/9/1994 tại UBND phường MN. Đến ngày 25/9/2015 hai người ly hôn theo bản án phúc thẩm số 26/2015/HNGĐ-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Ngày 15/12/2016 bà Huỳnh Vũ Mai V làm đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn với ông Nguyễn Văn T nên đây là tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn. Tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất và tài sản khác có trên đất mà theo bà V cho rằng nguồn gốc đất hiện nay là do cha chồng của bà là ông Phạm Hữu Từ cho hai vợ chồng sau khi cưới nhau gồm 10.845,6m^2 tại khu phố LS, phường MN, thành phố PT, gồm có 3 thửa:

-Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11 tại khu phố LS, phường MN, diện tích 5.030,8m^2 được Ủy ban nhân dân thành phố PT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông T. Sau đó chuyển nhượng cho người khác 756,3m^2. Diện tích còn lại 4.274,5m^2 hiện nay đang cho Công ty trách nhiệm hữu hạn TD thuê.

-Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 1, tại khu phố LS, phường MN, diện tích 5.571,1m^2, hai người tự đầu tư xây dựng 8 phòng trọ, 01 quán ăn, đang cho bà Nguyễn Thị Diễm An thuê để kinh doanh phòng trọ, đặt tên là Thùy Duyên.

-Thửa đất khoảng 900m^2 có 10 phòng trọ và 01 bếp ăn đặt tên là Dương Biển.

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu, không tranh chấp đất và tài sản có trên đất ở khu vực Dương Biển và không tranh chấp về đất đối với khu vực Thùy Duyên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ phần yêu cầu trên. Đương sự không kháng cáo, Viện Kiểm sát nhân dân không kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[3] Về tài sản tranh chấp là thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 100375 do Ủy ban nhân dân thành phố PT

cấp ngày 17/8/2006, diện tích 4.274,5m^2 đứng tên ông Nguyễn Văn T, theo Bản đồ tỷ lệ 1/1.000 kiểm tra, rà soát thực trạng khu đất bà Lê Thị Minh Thuận tranh chấp với ông T do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận đo đạc thì diện tích thực tế của thửa đất này 4.904,8m^2, chênh lệch so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 630,3 m^2.

Khi Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thụ lý xét xử phúc thẩm. Nguyên đơn bà Huỳnh Vũ Mai V có đơn yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ đất tranh chấp. Kết quả: Diện tích đất tranh chấp đo đạc hiện trạng 4.405,8m^2 tại Bản đồ vị trí khu đất theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/01/2018.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Ngày 09/10/2017 Ủy ban nhân dân thành phố PT có Văn bản số 7346/UBND-TH V/v phúc đáp Công văn số 521/CV-TA của Tòa án nhân dân thành phố PT. Xác định: " Trường hợp phần diện tích đất chênh lệch nếu không có tranh chấp thì người sử dụng đất vẫn được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc lập thủ tục đăng ký biến động theo quy định của luật Đất đai".

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện: Ngày 18/7/2006 ông Nguyễn Văn T làm đơn xin tách thửa đất số 20 thành hai thửa đất. Ngày 17/8/2006 Ủy ban nhân dân thành phố PT ra Quyết định số 6632/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tách thửa). Theo đó Ủy ban nhân dân thành phố PT tách từ thửa đất số 20 diện tích 5.030,8m^2 thành thửa đất số 25, tờ bản đồ số 11, diện tích 756,3m^2 đất trồng cây lâu năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 100376 do ông Nguyễn Văn T đứng tên.

Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11 diện tích còn lại 4.274,5m^2. Ngày 17/8/2006 Ủy ban nhân dân thành phố PT ra Quyết định số 6633/QĐ-UBND cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T số AG 100375 thửa số 20, tờ bản đồ số 11, diện tích 4.274m^2 .

Ngày 11/9/2006 ông Nguyễn Văn T cùng bà Huỳnh Vũ Mai V lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trần Quốc Bình và bà Lê Thị Hoa thửa số 25, tờ bản đồ số 11, diện tích 756,3m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 100376 do Ủy ban nhân dân thành phố PT cấp ngày 17/8/2006 .

Ngày 17/01/2009 ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Vũ Mai V ký Hợp đồng tín dụng số 221/09 để vay của Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình chi nhA Vũng Tàu- Phòng giao dịch PT vay số tiền 300 triệu đồng và thế chấp tài sản là thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11, diện tích 4.274m^2.

Ngày 15/01/2010 ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Vũ Mai V lập Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất có nội dung: Ông T bà V cho Công ty trách nhiệm hữu hạn TD do bà Nguyễn Thị Diễm An, Phó Giám đốc đại diện ký hợp đồng để thuê thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11, diện tích 4.274m^2 thời hạn thuê đến năm 2028 để làm khu du lịch TD.

Ngày 02/02/2010 ông T bà V ký hợp đồng cho bà Nguyễn Thị Diễm An thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất 05 năm tại khu Thùy Duyên,

hợp đồng này đã hết hạn và hai bên đã tiếp tục tái ký hợp đồng mới thời hạn cho bà Diễm An thuê đến năm 2018.

Từ những sự kiện pháp lý nêu trên, có cơ sở xác định về nguồn gốc đất đang tranh chấp hiện nay do ông Phạm Hữu Từ là cha ruột của ông T sang nhượng lại của mẹ con bà Lưu Thị Quán và Lê Thị Luận. Tuy nhiên, Trong thời kỳ hôn nhân ông T và bà V là người trực tiếp quản lý, sử dụng, khai thác và hưởng hoa lợi có trên đất này, sau đó đăng ký quyền sử dụng đất, đã được Ủy ban nhân dân thành phố PT cấp giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Ủy ban nhân dân thành phố PT- là cơ quan quản lý đất đai, xác định tại Văn bản số 5212/UBND-TH ngày 28/7/2017: "*Việc cấp giấy CNQSDĐ cho ông T là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ"*.

Điều 5, 6, 7 Luật Đất đai năm 2003 quy định: Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý; Nhà nước là đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai. Ủy ban nhân dân thành phố PT khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T đúng quy định của Luật Đất đai, không cấp quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị A. Điều này phù hợp với quá trình sử dụng đất của ông T, bà V. Trong quá trình sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T thì bà Nguyễn Thị A không khiếu nại, không tranh chấp. Ông Phạm Hữu Từ không làm giấy tờ nào có nội dung cho đất ông T, bà V hoặc giấy tờ cho đất ông T, bà A mà ông Từ chỉ giao "Giấy hồi công đất và hoa màu ngày 28/02/1994" cho bà V giữ cho đến nay, chứng tỏ ý chí ông Từ cho đất để vợ chồng ông T, bà V sử dụng nên trong quá trình ông T, bà V sử dụng đất ông Từ, bà A không tranh chấp.

Khoản 1, Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hơn nhân…tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận được là tài sản chung. Quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng…

Khoản 2 Điều 34 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Trong trường hợp giấy chứng nhận quyền sở hữu, giấy chứng nhận quyền sử dụng tài sản chỉ ghi tên một bên vợ hoặc chồng thì giao dịch liên quan đến tài sản này được thực hiện theo quy định tại điều 26 của Luật này, nếu có tranh chấp thì giải quyết theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 của Luật này.

Khoản 3 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung.

Năm 2005 ông T đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11 đứng tên ông T. Sau đó ông T và bà V đã cùng đứng tên tham gia các giao dịch về chuyển nhượng 756,3m^2 cho vợ chồng ông Trần Quốc Bình, tham

gia ký hợp đồng thế chấp và hợp đồng tín dụng để vay tiền Ngân hàng An Bình, tham gia ký hợp đồng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn TD thuê làm du lịch.

Căn cứ các điều luật và các chứng cứ nêu trên, có cơ sở xác định trong thời kỳ hôn nhân, ông T đã xem quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản chung của vợ chồng nên đưa tên bà V vào tham gia các giao dịch dân sự như sang nhượng, cho thuê và thế chấp Ngân hàng để cùng hưởng lợi tức và cùng chia sẻ những rủi ro trong quá trình tham gia các giao dịch đó. Do đó, không thể cho rằng trong quan hệ giao dịch dân sự mà chủ thể khác bắt buộc phải đưa tên bà V vào tham gia giao dịch như ông T xác định. Trường hợp quyền sử dụng đất này là tài sản riêng của ông T thì pháp luật không bắt buộc phải có tên bà V trong các giao dịch dân sự.

Tuy nhiên, đây là quyền sử dụng đất có nguồn gốc của cha ruột ông T. Bà V không bỏ tiền ra mua đất hoặc bồi bổ đất nên khi chia tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 4.405,8m^2 cho ông Nguyễn Văn T diện tích nhiều hơn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T. Cụ thể ông T được quyền sử dụng diện tích đất 2.753,6m^2, có giá trị: 7.445.734.400đồng, tứ cận: Đông giáp đất chia cho bà Huỳnh Vũ Mai V, Tây giáp đất khu du lịch Thùy Trang, Bắc giáp đường Xuân Thủy, Nam giáp Biển Đông.

Chia cho bà Huỳnh Vũ Mai V được quyền sử dụng diện tích đất 1.652,2m^2, có giá trị: 4.467.548.800đồng, tứ cận: Đông giáp đất ông Trần Quốc Bình, Tây giáp đất chia cho ông Nguyễn Văn T, Bắc giáp đường Xuân Thủy, Nam giáp Biển Đông.

Do thửa đất này đang được Công ty trách nhiệm hữu hạn TD thuê làm du lịch đến ngày 15/4/2028. Công ty trách nhiệm hữu hạn TD yêu cầu tiếp tục thuê đất đến hết hạn hợp đồng. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người thứ ba thì ông T và bà V phải để Công ty trách nhiệm hữu hạn TD tiếp tục thuê hai phần đất của hai người được chia đến hết thời hạn hợp đồng là sau ngày 15/4/2028. Trong thời gian này các bên đều có quyền hưởng lợi tức từ việc nhận tiền cho thuê hàng tháng là 5.000.000 đồng/tháng/người. Bắt đầu từ tháng 9/2016 đến khi kết thúc hợp đồng.

[4] Bản án sơ thẩm chia quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Vũ Mai V hai phần bằng nhau nhưng không xác định vị trí, tứ cận đất được chia, không kèm theo bản đồ vị trí đất là có thiếu sót. Mặc khác, tại Tòa án cấp phúc thẩm bà Huỳnh Vũ Mai V yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ nên diện tích đất đo đạc hiện trạng thay đổi, do đó kháng cáo của ông Nguyễn Văn T được chấp nhận một phần, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[5] Đây là vụ án tranh chấp về tài sản chung sau khi ly hôn, không phải tranh chấp thừa kế tài sản và theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Hữu Từ, Trần Thị Bông, Nguyễn Thị Hợi cũng không có quyền lợi hoặc nghĩa vụ liên quan, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa họ vào tham gia tố tụng. Sau khi xét xử sơ thẩm họ có đơn khiếu nại, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy họ không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[6] Ông Nguyễn Văn T kháng cáo và nộp tài liệu, chứng cứ bổ sung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác minh và xem xét lại bản án sơ thẩm chia tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 4.904,8m^2 là không đúng pháp luật vì đây là tài sản của gia đình cho chị em của ông là bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn T, không phải là tài sản của vợ chồng.

Tài liệu, chứng cứ người kháng cáo nộp là: Đơn xin rút hồ sơ khiếu nại đề ngày 10/9/2009 đứng tên bà Trần Thị Bông; Đơn đề nghị xác nhận đề ngày… tháng 02/2004 đứng tên bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn T; Đơn báo mất đơn xin xác nhận số lượng cây cối, hoa màu, diện tích đất và nhà bị giải tỏa đề ngày 16/10/2017 đứng tên ông Nguyễn Văn T; Hợp đồng thuê đất ngày 15/4/1998 giữa ông Nguyễn Văn T với bà Nguyễn Thị Thu, bà Phạm Thị NH và đề nghị Tòa án triệu tập hai người làm chứng là ông Phạm Hữu T1, bà Phạm Thị NH.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy tài liệu, chứng cứ mà ông Nguyễn Văn T nộp không đủ căn cứ theo pháp luật để chứng minh diện tích đất tranh chấp là tài sản của gia đình cho chị em của ông là bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn T nên không chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị nên đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 89/2017/HNGĐ-ST ngày 10/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố PT, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không cần thiết nên không chấp nhận đề nghị này.

[8] Về án phí sơ thẩm: Do sửa án và diện tích đất đo đạc hiện trạng thay đổi nên sửa án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung sau khi ly hôn mà hai bên đương sự phải chịu.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Về chi phí tố tụng: Bà Huỳnh Vũ Mai V và ông Nguyễn Văn T phải chịu lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1/ Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T.

Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 89/2017/HNGĐ-ST ngày 10/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 34, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

- Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Vũ Mai V về tranh chấp đất và tài sản có trên đất tại khu vực Dương Biển và tranh chấp đất ở khu vực Thùy Duyên tọa lạc tại khu phố LS, phường MN, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Vũ Mai V về tranh chấp đất ở khu vực TD và tài sản có trên đất ở khu vực Thùy Duyên tọa lạc tại khu phố LS, phường MN, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

+ Xác định thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 100376 ngày 17/8/2006, diện tích đo đạc hiện trạng 4.405,8m^2 tại Bản đồ vị trí khu đất kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/01/2018 là tài sản chung của bà Huỳnh Vũ Mai V và ông Nguyễn Văn T.

+ Chia cho ông Nguyễn Văn T được quyền tiếp tục sử dụng diện tích đất 2.753,6m^2, có giá trị: 7.445.734.400đồng, tứ cận: Đông giáp đất chia cho bà Huỳnh Vũ Mai V, Tây giáp đất khu du lịch Thùy Trang, Bắc giáp đường Xuân Thủy, Nam giáp Biển Đông;

+ Chia cho bà Huỳnh Vũ Mai V được quyền sử dụng diện tích đất 1.652,2m^2, có giá trị: 4.467.548.800đồng, tứ cận: Đông giáp đất ông Trần Quốc Bình, Tây giáp đất chia cho ông Nguyễn Văn T, Bắc giáp đường Xuân Thủy, Nam giáp Biển Đông.

Có kèm theo Bản đồ vị trí khu đất theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/01/2018 và Bản đồ vị trí khu đất theo Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 15/2018/HNGĐ-PT ngày 23/5/2018.

Bà Huỳnh Vũ Mai V, ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai.

Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 100376 ngày 17/8/2006 cho bà Huỳnh Vũ Mai V để đăng ký quyền sử dụng đất. Bà Huỳnh Vũ Mai V có nghĩa vụ giao trả lại cho ông Nguyễn Văn T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 100376 ngày 17/8/2006 ngay sau khi thực hiện xong việc đăng ký quyền sử dụng đất.

- Chia hai giá trị tài sản 630.770.650đồng gồm một số công trình và các trang thiết bị tại khu vực Thùy Duyên. Ông Nguyễn Văn T được quyền sở hữu tài sản và có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Huỳnh Vũ Mai V số tiền 315.385.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

- Tiếp tục cho Công ty trách nhiệm hữu hạn TD thuê thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11 đến khi hợp đồng thuê đất kết thúc.

- Ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Vũ Mai V được hưởng huê lợi từ việc cho Công ty trách nhiệm hữu hạn TD thuê thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11, bắt đầu từ tháng 9/2016 đến khi kết thúc hợp đồng, hàng tháng mỗi người là 5.000.000đồng.

3/ Về án phí sơ thẩm:

-Bà Huỳnh Vũ Mai V phải chịu 112.467.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung sau khi ly hôn được trừ 19.375.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012143 ngày 29/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PT. Bà Huỳnh Vũ Mai V còn phải nộp 93.092.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

-Ông Nguyễn Văn T phải chịu 115.445.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung sau khi ly hôn.

4/ Về án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020006 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

5/ Về chi phí tố tụng:

-Bà Huỳnh Vũ Mai V phải chịu 2.417.000đồng lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc đất được trừ 4.834.000đồng tạm ứng lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc đất nộp tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, còn lại 2.417.000đồng do ông Nguyễn Văn T hoàn trả.

-Ông Nguyễn Văn T phải chịu 2.417.000đồng lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc đất để hoàn trả cho bà Huỳnh Vũ Mai V.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 23/5/2018).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND thành phố PT;
- Chi cục THADS TP. PT;
- Các đương sự;
- Lưu: DS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thanh Chín